**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHƯ PĂH**
TỈNH GIA LAI
Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày: 01/11/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH - GIA LAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hòa.
***Hội thẩm nhân dân:*** 1. Bà Hoàng Thị Hải.
2. Bà Hoàng Thị Bình.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Nữ Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh - Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2018/TLST-HS, ngày 16 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

**Nguyễn Quốc T** (tên gọi khác: Đen); Sinh năm: 1987, tại B Đ; Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, huyện C, tỉnh Gi; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954 và bà Hồng Thị L, sinh năm 1954; Bị cáo có vợ đã ly hôn năm 2016 và có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2018 đến nay. Có mặt

* *Bị hại*: Công ty cổ phần khai thác mỏ K. Địa chỉ: Km 2 đường Hùng V, khu H, phường N, Tp. M, tỉnh Q
*Đại diện theo ủy quyền*: ông Trần Văn Ng, sinh năm 1978; Trú tại: thôn 3, xã H, huyện C, G. Vắng mặt
**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
- Anh Lưu Trung V, sinh năm 1993. Trú tại: thôn R, xã T, huyện H, tỉnh L. Vắng mặt
- Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn 9, xã N, huyện C, tỉnh G. Có mặt
- Chị Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1980. Trú tại: số 18, đường P, tổ 1, phường L, Tp. K, tỉnh K. Vắng mặt
****Người làm chứng:***

- Anh Võ Hoàng Kh, sinh ngày 27/7/2000. Trú tại: Thôn 2, xã H, huyện C, tỉnh G. Có mặt

- Anh Nguyễn Quốc Kh, sinh năm 1981. Trú tại: Thôn 2, xã H, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 02/2018, Nguyễn Quốc T biết được bãi dưa hấu mà Công ty cổ phần khai thác mỏ K đã thuê đất tại thôn 2, 3, thị trấn P, huyện C, tỉnh G để trồng đang chuẩn bị thu hoạch nên T liên lạc với Nguyễn Thị Bích Th (là người thuê công nhân làm việc và thuê xe vận chuyển dưa cho công ty K) để đặt vấn đề làm bảo vệ trông coi, đảm bảo cho việc thu hoạch, vận chuyển dưa. Chị Th nói bản thân không có trách nhiệm và thẩm quyền về việc này và nói với T để chị Th báo lại cho Công ty K biết. T đồng ý và nói với Th trong thời gian chờ công ty K trả lời nếu như có việc gì khó khăn cần giúp đỡ thì Th có thể liên lạc với T. Đến khoảng 17h00’ ngày 01/3/2018, trong lúc Nguyễn Quốc T đang đi chơi ở thành phố P, tỉnh G thì Th gọi điện thoại cho T nói có một nhóm người ở thành phố P đến khu vực bãi dưa đe doạ, ngăn cản không cho công nhân thu hoạch vận chuyển dưa và đòi tiền bảo kê nên nhờ T lên giúp. T nói chưa về được và nói Th chờ để T về giải quyết. Đến khoảng 20h00’ cùng ngày, khi T từ P về đến khu vực bãi dưa thì không thấy Th và nhóm người mà trước đó Th nói đâu nên T điện thoại cho Th thì biết được do đợi lâu nên công ty K đã phải đưa cho nhóm người này số tiền 15.000.000 đồng. Nghe vậy, T trách Th sao không chờ T về để giải quyết và việc đưa tiền cho nhóm người trên là coi thường T. Th nghe vậy nên nói T đến phòng trọ của Th ở thôn 3, xã H, huyện C, tỉnh G để nói chuyện. Lúc này, thấy việc nhóm người mà Th nói chỉ đến đe doạ, uy hiếp ngăn cản không cho công nhân thu hoạch, vận chuyển dưa thì đã lấy được tiền của công ty K một cách dễ dàng nên T nảy sinh ý định đe doạ, uy hiếp ngăn cản không cho công nhân thu hoạch, vận chuyển dưa để chiếm đoạt tiền của công ty K. Sau đó, T đi đến nhà trọ của Th. Trên đường đi, khi đi ngang qua hội trường thôn 2, xã H, huyện C T nhìn thấy có Nguyễn Quốc Kh (anh trai của T) và Võ Hoàng K (cháu của Kh) đang nhậu với một số người khác nên đi vào. Khi T vào thì có Đinh Hoàng N lấy một lon bia mời T uống. T uống xong thì N lấy số tiền 500.000 đồng nhét vào túi của T và nói cho T để uống nước. T không biết là tiền gì nên không nhận và định trả lại thì N đã bỏ đi về cùng với bạn của N. Sau đó, T rủ Kh và K cùng đi với T đến phòng trọ của Th. Khi đến nơi, T và K đi vào trong còn Kh không vào mà đi uống cà phê. T và K vào phòng trọ thì gặp Th và Lưu Trung V (là người phiên dịch và quản lý công nhân cho công ty K). T nói với Th “lúc trước đã nhờ anh rồi, bây giờ lại đưa tiền cho bọn nó thì khinh thường anh quá”. Th nói việc đưa tiền là do V đưa chứ không phải Th. T tiếp tục nói đã đưa cho nhóm người nêu trên bao nhiêu tiền thì phải đưa cho T bấy nhiêu nêu không T sẽ ngăn cản không cho công nhân thu hoạch, không cho xe vận chuyển dưa đi. Th nghe vậy nên nói để Th báo lại cho công ty K biết còn K và V chỉ ngồi im lặng và không nói gì. Sau đó T và K đi về. Đến 22h00’ cùng ngày, T tiếp tục dùng điện thoại nhắn tin cho Th để yêu cầu công ty phải đưa tiền cho T nếu không sẽ ngăn cản không cho công nhân thu hái dưa và không

cho xe vận chuyển dưa. Th trả lời do công ty làm ăn thua lỗ nên chỉ đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng. T không đồng ý và yêu cầu phải đưa cho T số tiền 10.000.000 đồng thì Th trả lời để báo lại cho công ty đồng thời Th thông tin lại sự việc này cho V và Ng (là người được công ty Kgiao trách nhiệm quản lý, xử lý các công việc tại bãi dưa ở thôn 2, 3 thị trấn P, huyện C) biết. Đến sáng ngày 02/3/2018, Th cho T số điện thoại của V để T liên lạc với V. T gọi điện thoại cho V để yêu cầu đưa tiền thì V nói để báo lại cho công ty. V gọi điện thoại báo lại sự việc cho Ng. Lo sợ nếu không đưa tiền cho T thì T sẽ ngăn cản hoạt động thu hoạch, vận chuyển dưa dẫn đến gây thiệt hại lớn cho công ty nên Ng đã nói V cho công ty mượn 10.000.000 đồng để đưa cho T trước. Một lúc sau, do thấy lâu nên T tiếp tục gọi điện thoại cho V thì V nói công ty đã đồng ý đưa tiền và hẹn gặp T tại quán cà phê L ở thôn 3, xã H, huyện C để đưa tiền. T nghe vậy nên điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81X1-088.11 đi đến quán cà phê L để gặp V. Tại đây, trong lúc T đang chuẩn bị lấy số tiền 10.000.000 đồng từ V thì bị Công an huyện C bắt quả tang và thu giữ số tiền 10.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng và vàng đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen 105 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 81X1-088.11.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Păh đã trả lại số tiền 10.000.000 đồng và xe mô tô biển kiểm soát 81X1-088.11 cho chủ sở hữu.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS, ngày 16 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 18 đến 24 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: bị cáo Nguyễn Quốc T không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt tiền hoặc tịch thu tài sản đối với bị cáo.

Về vật chứng:

- 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng và vàng đồng có số sêri 352000061594630 là tài sản của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo T;

- 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, số sêri 354878081281660 bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước

Về dân sự: Đại diện công ty K đã nhận lại số tiền 10.000.000 đồng. Anh Lưu Trung V cũng đã được công ty K trả lại số tiền 10.000.000 đồng mà trước đó V đã cho công ty mượn để đưa cho T. Hiện công ty K và V không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Đối với Nguyễn Quốc Kh và Võ Hoàng K là những người mà Nguyễn Quốc T đã rủ cùng đi đến phòng trọ của Th. Tuy nhiên, khi T rủ Kh và K đi thì T không nói cho Kh và K biết mục đích đi để làm gì. Khi đến phòng trọ của Th thì Kh không vào trong mà đi uống cà phê còn K mặc dù cùng T đi vào phòng trọ của Th nhưng khi T đe doạ Th và để yêu cầu công ty K phải đưa tiền cho T thì K chỉ ngồi im chứ không có hành động gì giúp sức cho T. Khi T nhắn tin đe doạ uy hiếp Th và khi T liên lạc với V

để lấy tiền của công ty K thì Kh và K không biết nên việc Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Păh không xử lý đối với Kh và K là có căn cứ.

Đối với các đối tượng có hành vi đe doạ, ngăn cản không cho công nhân thu hoạch vận chuyển dưa mà Th đã nói cho T trước đó, qua điều tra xác định là do Đinh Hoàng N, Hồ Hữu Q thực hiện. Số tiền có được N đã cùng với Q và Phan Thanh T, Võ Xuân H, Nguyễn Ngọc C, Mạc Trung T, Đặng Trần H chia nhau. Bản thân T không quen biết và không có quan hệ gì với N và Q. Tại thời điểm, N và Q thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của công ty K thì T không biết. Khi được N cho tiền thì T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có vì vậy Cơ quan điều tra đã tách ra để xử lý riêng trong một vụ án khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quốc T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, thống nhất bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quốc T khai nhận: chỉ vì mục đích tư lợi, nên ngày 01/3/2018, bị cáo đã đe dọa, ép buộc Công ty cổ phần khai thác mỏ K phải đưa cho bị cáo số tiền 10.000.000đ thì bị cáo mới cho công nhân của Công ty cổ phần khai thác mỏ K thu hoạch, vận chuyển dưa hấu tại bãi dưa ở thôn 2 và thôn 3, thị trấn Phú H, huyện C. Đến khoảng 11giờ ngày 02/3/2018, trong lúc bị cáo đến quán cà phê L ở thôn 3, xã H, huyện C để lấy tiền thì bị bắt quả tang. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai tại hồ sơ, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

**[**2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được việc đe dọa, ép buộc người khác phải giao tài sản cho mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, có tiền tiêu xài, nên vẫn cố tình thực hiện hành vi với lỗi cố ý, làm mất trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, xét yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm thì việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt nghiêm theo quy định của pháp luật là cần thiết, không chỉ có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bản thân bị cáo mà còn góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, HĐXX xem xét để giảm một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Hình phạt bổ sung: bị cáo Nguyễn Quốc T không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt tiền hoặc tịch thu tài sản đối với bị cáo.

[3] Về dân sự: Đại diện công ty K đã nhận lại số tiền 10.000.000 đồng. Lưu Trung V cũng đã được công ty K trả lại số tiền 10.000.000 đồng mà trước đó V đã cho công ty mượn để đưa cho T. Công ty K và V không có yêu cầu gì thêm về dân sự, nên không xem xét.

[4] Về vật chứng:

- 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng và vàng đồng có số sêri 352000061594630 là tài sản của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo T;

- 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, số sêri 354878081281660 bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Quốc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Chư Păh, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 02/3/2018.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc T: 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng và vàng đồng có số sêri 352000061594630;

- Tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, số sêri 354878081281660.

*(Đặc điểm các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/9/2018 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai).*

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Păh;
- Công an huyện Chư păh;
- THADS huyện Chư Păh;
- Bị cáo + Người TGTT;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hòa**